| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THUỶ NGUYÊN**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số:13/2022/HNGĐ-ST
Ngày 17- 01 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TH, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Lý

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hoàng Đắc Hân

Ông Hoàng Đức Cảnh

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Th, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 406/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 374/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Mai Thị Tr; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 12, xã X, huyện Th, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn 1, xã S, huyện D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Đức T; địa chỉ: Thôn 9, xã X, huyện Th, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 27 tháng 10 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Mai Thị Tr trình bày:*

Về hôn nhân: Chị Mai Thị Tr và anh Nguyễn Đức T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Th, thành

phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 05 tháng 3 năm 2014. Quá trình chung sống hòa thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung, anh T không quan tâm đến gia đình nên dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Chị Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh Nguyễn Đức T.

- Về con chung: Chị Mai Thị Tr và anh Nguyễn Đức T có một con chung tên Nguyễn M, sinh ngày 20 tháng 6 năm 2014. Hiện nay con chung đang ở với anh T. Khi ly hôn, chị Tr để anh T được trực tiếp nuôi con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung do chị Tr, anh T tự thỏa thuận giao nhận cho nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Mai Thị Tr và anh Nguyễn Đức T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn anh Nguyễn Đức T trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Đức T thừa nhận lời khai của chị Mai Thị Tr về thời gian, điều kiện, hình thức kết hôn, thời gian và nguyên nhân mâu thuẫn theo anh T là do chị Tr cho rằng anh không tôn trọng chị và còn có bất đồng nhỏ chưa được giải quyết. Chị Tr xin ly hôn thì anh đồng ý. Anh T thống nhất với quan điểm của chị Tr về con chung và tài sản chung.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 7, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Tr cho ly hôn giữa chị Mai Thị Tr và anh Nguyễn Đức T. Giao con chung tên Nguyễn M, sinh ngày 20 tháng 6 năm 2014 cho anh Nguyễn Đức T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung các đương sự không yêu cầu nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết. Chị Mai Thị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tài liệu xác minh thể hiện chị Tr và anh T có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, mâu

thuẫn vợ chồng đã trầm trọng khó có khả năng đoàn tụ. Con chung hiện nay đang sống cùng anh T.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Đức T đang cư trú tại xã X, huyện Th, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Th theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Mai Thị Tr và bị đơn anh Nguyễn Đức T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Tr và anh T.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Tr và anh T đã được xác lập là hợp pháp (Giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 05 tháng 3 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Th, thành phố Hải Phòng). Căn cứ vào lời khai của đương sự, tài liệu điều tra xác minh đã xác định được mâu thuẫn vợ chồng có tồn tại làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Mai Thị Tr được ly hôn anh Nguyễn Đức T.

[3]. Về con chung: Chị Mai Thị Tr và anh Nguyễn Đức T có một con chung tên Nguyễn M, sinh ngày 20 tháng 6 năm 2014. Khi ly hôn anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung vì hiện nay con chung đang ở với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con cho ai nuôi cần xem xét mọi mặt và đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên. Anh T là người trực tiếp nuôi con chung từ khi chị Tr và anh T sống ly thân đến nay và chị Tr đồng ý để anh T nuôi con chung nên căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung tên Nguyễn M, sinh ngày 20 tháng 6 năm 2014 cho anh Nguyễn Đức T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Tr và anh T tự thỏa thuận giao nhận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung: Chị Tr, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí

và lệ phí Tòa án, chị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Mai Thị Tr được ly hôn anh Nguyễn Đức T

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn M, sinh ngày 20 tháng 6 năm 2014 cho anh Nguyễn Đức T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Mai Thị Tr phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007610 ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Th, thành phố Hải Phòng. Chị Mai Thị Tr đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Mai Thị Tr, anh Nguyễn Đức T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã X, huyện Th (Giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 05 tháng 3 năm 2014);
Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hồng Lý**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hồng Lý**